SỞ GIÁO DỤC và ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
Kỳ thi Olympic Truyền Thống 30/4 lần thứ XXII năm 2016
Tổ chức tại trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong - Tp. Hồ Chí Minh
Khóa thi ngày 02/04/2016

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI THEO KHỐI-MÔN

Khối: 11 **Môn: Anh** **Thang Điểm 110**

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
1	0690	Nguyễn Ngọc	Như	Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	51,00	73	HCD
2	0708	Hồ Thị Ngọc	Trâm	Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	49,50	81	
3	0662	Trịnh Cẩm	Hà	Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	47,50	88	
4	0658	Nguyễn Vương Cao	Duy	Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	46,00	92	
5	1937	Diệp Đỉnh	Khang	Chuyên Bến Tre	Bến Tre	77,00	13	HCV
6	1931	Phạm Kim	Hoàng	Chuyên Bến Tre	Bến Tre	52,00	71	HCD
7	1981	Trương Vũ Nguyên	Uyên	Chuyên Bến Tre	Bến Tre	51,00	73	HCD
8	1946	Hồ Thị Thùy	Linh	Chuyên Bình Long	Bình Phước	69,50	21	HCV
9	1969	Trần Ngọc Minh	Tâm	Chuyên Bình Long	Bình Phước	64,00	32	HCB
10	1915	Ngô Ngọc	Anh	Chuyên Bình Long	Bình Phước	59,50	43	HCB
11	1974	Hà Mai	Thy	Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	47,50	88	
12	1920	Nguyễn Bảo	Duy	Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	37,50	115	
13	1953	Võ Huỳnh Phương	Nghi	Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	34,00	121	
14	1971	Phạm Phương	Thảo	Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	75,00	15	HCV
15	1965	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	73,00	18	HCV
16	1970	Lê Nguyễn Kim	Thanh	Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	64,50	29	HCB
17	0659	Trần Anh	Duyên	Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	60,00	39	HCB
18	0698	Nguyễn Nhật	Tâm	Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	50,50	76	HCD
19	0679	Lê Trần Gia	Minh	Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	21,50	139	
20	1959	Trần Nguyên Uyên	Phương	Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	47,50	88	
21	1949	Lâm Anh	Minh	Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	43,50	101	
22	1942	Nguyễn Minh	Khuê	Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	39,50	110	
23	0711	Nguyễn Thảo	Uyên	Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	51,50	72	HCD
24	0687	Phạm Hà	Nhiên	Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	45,50	94	
25	0664	Trần Đức	Hòa	Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	44,00	98	
26	0657	Nguyễn Văn Đăng	Duy	Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	83,50	2	HCV
27	0677	Nguyễn Lê Phước	Lộc	Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	82,00	6	HCV
28	0709	Lê Quang	Trí	Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	81,00	7	HCV
29	0682	Nguyễn Phương	Nguyên	Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	77,50	12	HCV
30	0684	Lâm Quang	Nhật	Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	68,50	23	HCB
31	0678	Phan Gia	Minh	Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	66,00	28	HCB
32	0704	Đặng Anh	Thư	Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	60,00	39	HCB
33	0714	Trần Hải	Yến	Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	60,00	39	HCB
34	0694	Nguyễn Vũ Thúy	Quỳnh	Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	58,00	47	HCB
35	0671	Ngô Văn	Khoa	Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	73,00	18	HCV
36	0653	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	67,50	26	HCB
37	0686	Lê Hà Lan	Nhi	Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	64,50	29	HCB
38	0660	Nguyễn Hải	Đăng	Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	38,00	114	
39	0655	Trương Gia	Bình	Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	37,50	115	
40	0693	Nguyễn Đan	Chi	Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	29,50	131	
41	1940	Đỗ lHoàng Mai	Khôi	Chuyên Long An	Long An	54,00	61	HCD
42	1913	Nguyễn Thế	Anh	Chuyên Long An	Long An	48,00	86	
43	1982	Nguyễn Phương	Uyên	Chuyên Long An	Long An	36,50	118	
44	0702	Chu Huỳnh Như	Thảo	Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	57,50	51	HCD
45	0689	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	54,00	61	HCD
46	0703	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	52,50	68	HCD
47	0670	Lâm Tiên	Khải	Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	64,00	32	HCB

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
48	0667	Nguyễn Đặng Quang	Huy	Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	62,00	35	HCB
49	0654	Trần Bảo	Bảo	Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	60,00	39	HCB
50	1927	Bùi Phúc	Hậu	Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	67,00	27	HCB
51	1947	Nguyễn Gia	Lộc	Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	55,00	60	HCD
52	1944	Đoàn Huỳnh	Kim	Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	51,00	73	HCD
53	0691	Nguyễn Cao	Phong	Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	72,00	20	HCV
54	0688	Trần Ngọc Khánh	Như	Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	53,50	64	HCD
55	0674	Trần Nguyễn Gia	Linh	Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	48,50	84	
56	0652	Nguyễn Thị Mai	Anh	Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	34,00	121	
57	0683	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	24,00	136	
58	0663	Đặng Thị Diệu	Hoa	Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	23,00	138	
59	0665	Nguyễn Thị Thu	Hương	Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	50,00	78	
60	0706	Đặng Bảo	Trâm	Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	41,00	105	
61	0676	Phan Sơn	Lộc	Chuyên Nguyễn Du	Đăk Lăk	41,00	105	
62	1986	Nguyễn Tống Thúy	Vy	Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	44,50	96	
63	1950	Phạm Giao Tiểu	My	Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	32,50	126	
64	1973	Phan Thị Anh	Thư	Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	29,00	132	
65	1919	Nguyễn Thanh	Chương	Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	59,50	43	HCB
66	1918	Phạm Ngọc Bảo	Châu	Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	48,00	86	
67	1914	Nguyễn Minh	Anh	Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	0,00	148	
68	0673	Cao Minh	Khôi	Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	56,00	55	HCD
69	0701	Ngô Phương	Thảo	Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	53,00	67	HCD
70	0700	Nguyễn Ngọc Diệp	Thảo	Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	50,00	78	
71	1935	Trần Quang	Khải	Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	50,00	78	
72	1964	Đào Phạm Diễm	Quỳnh	Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	39,50	110	
73	1936	Nguyễn Hoàn	Khải	Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	39,50	110	
74	0710	Tô Phương Uyên	Uyên	Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	56,50	53	HCD
75	0699	Nguyễn Trần Thu	Thảo	Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	39,00	113	
76	1945	Hứa Thanh	Liêm	Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	54,00	61	HCD
77	1956	Nguyễn Thiện	Nhân	Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	37,50	115	
78	1925	Lâm Gia	Hân	Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	23,50	137	
79	1955	Huỳnh Trung	Nguyên	Chuyên Quang Trung	Bình Phước	56,00	55	HCD
80	1926	Phan Anh	Hào	Chuyên Quang Trung	Bình Phước	53,50	64	HCD
81	1938	Đỗ Nguyễn Nhật	Khánh	Chuyên Quang Trung	Bình Phước	49,50	81	
82	0692	Đoàn Vĩnh	Phong	Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	68,50	23	HCB
83	0712	Đỗ Thị Bảo	Uyên	Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	64,50	29	HCB
84	0668	Nguyễn Đình Bảo	Huy	Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	63,00	34	HCB
85	1960	Lê Ngọc Lan	Phương	Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	52,50	68	HCD
86	1912	Đoàn Thiện Hồ	An	Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	44,50	96	
87	1966	Lý Khánh	Quỳnh	Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	42,00	104	
88	1963	Nguyễn Ngọc Thanh	Quyên	Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	35,00	120	
89	1977	Giản Đào Bảo Trân	Trân	Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	33,00	124	
90	1924	Trịnh Gia	Hân	Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	61,50	36	HCB
91	1910	Nguyễn Thị Thuận	An	Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	61,50	36	HCB
92	1954	Triệu Văn	Nghĩa	Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	57,50	51	HCD
93	0669	Phạm Thị Thanh	Huyền	Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	75,00	15	HCV
94	0697	Nguyễn Lưu Minh	Tâm	Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	55,50	58	HCD
95	0685	Phan Thảo	Nhi	Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	42,50	103	
96	1988	Lê Phạm Khánh	Vy	Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	83,00	3	HCV
97	1972	Hoàng Vũ Minh	Thi	Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	83,00	3	HCV
98	1984	Nguyễn Phương Uy	Việt	Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	81,00	7	HCV
99	0661	Lê Tiến	Đạt	Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	44,00	98	
100	0656	Võ Hoàng	Châu	Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	20,00	141	
101	0705	Đoàn Ngọc	Thưởng	Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	18,00	143	
102	1991	Nguyễn Khánh	Vy	PT Năng Khiếu	TP.HCM	79,50	10	HCV
103	1916	Bùi Vân	Anh	PT Năng Khiếu	TP.HCM	76,00	14	HCV

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
104	1917	Nguyễn Hà Tú	Anh	PT Năng Khiếu	TP.HCM	69,00	22	HCV
105	0672	Phan Đăng	Khoa	THPT Chu Văn An	Đăk Lăk	33,00	124	
106	1952	Nguyễn Thành	Nam	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	93,00	1	HCV
107	1922	Tôn Nguyễn Cát	Đằng	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	83,00	3	HCV
108	1985	Lương Văn Trường	Vũ	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	78,50	11	HCV
109	2597	Trần Uyển	Nhi	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	58,00	47	HCB
110	2596	Trường Huỳnh Minh	Châu	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	53,50	64	HCD
111	2598	Phạm Thị Lâm	Phương	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	41,00	105	
112	1951	Lê Nguyễn Hải	My	THPT Củ Chi	TP.HCM	40,00	108	
113	1948	Bùi Hoàng Gia	Long	THPT Củ Chi	TP.HCM	33,50	123	
114	1923	Ngô Hoàng	Giang	THPT Củ Chi	TP.HCM	30,50	130	
115	1929	Vũ Minh	Hiếu	THPT Gia Định	TP.HCM	68,00	25	HCB
116	1968	Huỳnh Xuân	Sơn	THPT Gia Định	TP.HCM	61,00	38	HCB
117	1941	Dương Xuân	Khôi	THPT Gia Định	TP.HCM	59,50	43	HCB
118	1976	Phạm Trần Huy	Tín	THPT Long Xuyên	An Giang	20,00	141	
119	1978	Ngô Huỳnh Huyền	Trân	THPT Long Xuyên	An Giang	17,50	144	
120	1934	Nguyễn Ngọc Duy	Hưng	THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	80,50	9	HCV
121	1975	Lê Thành	Tiến	THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	56,50	53	HCD
122	1928	Nguyễn Phương Thảo	Hiền	THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	49,00	83	
123	1932	Phạm Huy	Hoàng	THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	55,50	58	HCD
124	1967	Võ Thị Nhật	Quỳnh	THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	48,50	84	
125	1980	Goi Chí	Trung	THPT Nguyễn Hữu Cầu	TP.HCM	46,00	92	
126	1958	Nguyễn Hoàng	Phúc	THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	52,50	68	HCD
127	1957	Cao Quy	Nhật	THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	50,50	76	HCD
128	1983	Phạm Hà Mỹ	Uyên	THPT Nguyễn Hữu Huân	TP.HCM	43,00	102	
129	0666	Nguyễn Ánh Quỳnh	Hương	THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	31,00	128	
130	0695	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	26,00	135	
131	1961	Nguyễn Đình Song	Phương	THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	75,00	15	HCV
132	1921	Ngô Hoàng	Duy	THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	59,50	43	HCB
133	1989	Trần Hải	Vy	THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	56,00	55	HCD
134	0707	Nguyễn Phạm Diễm	Trâm	THPT Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	31,00	128	
135	0696	Nguyễn Thành	Sửu	THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	28,50	134	
136	0675	Nguyễn Mai	Lĩnh	THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	44,00	98	
137	0680	Võ Tiểu	My	THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	36,50	118	
138	0681	Phan Dương Bảo	Ngọc	THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	29,00	132	
139	0713	Nguyễn Thị Khánh	Vân	THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đăk Lăk	58,00	47	HCB
140	1911	Lê Hoàng	Ân	THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	45,00	95	
141	1943	Trần Minh	Khương	THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	32,50	126	
142	1933	Trần Thuận	Hưng	THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	21,50	139	
143	1939	Mai Lê Đăng	Khoa	THPT Trung Phú	TP.HCM	15,50	145	
144	1987	Nguyễn Thụy Thảo	Vy	THPT Trung Phú	TP.HCM	14,50	146	
145	1930	Trần Văn	Hoài	THPT Trung Phú	TP.HCM	13,00	147	
146	1979	Quách Thị Xuân	Trang	Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	58,00	47	HCB
147	1962	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	47,50	88	
148	1990	Bùi Hương Tường	Vy	Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	40,00	108	